TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 352/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2019
V/v tranh chấp: *"Ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Kim Chi.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019, về tranh chấp: "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trương Thị Thảo L, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim P (Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang) – Văn phòng Luật sư V – Chi nhánh Gò Công thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Lê Minh Q, sinh năm 1982 (Có mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Trương Thị Thảo L có đơn xin vắng mặt; theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, chị L trình bày:***

Về hôn nhân: Năm 2004, chị Trương Thị Thảo L với anh Lê Minh Q sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 2015, chị L với anh Q phát sinh mâu thuẫn do anh Q thường kiếm chuyện la rầy, đánh chị L; tình cảm không còn. Nên chị L yêu cầu ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị L với anh Q có 02 con chung tên là Lê Trương Thảo Q1, sinh ngày 14/7/2006 và Lê Trương Minh Q2, sinh ngày 21/8/2013. Chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q1 và cháu Q2; không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị L không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Minh Q trình bày:***

Về hôn nhân: Năm 2004, anh Lê Minh Q với chị Trương Thị Thảo L sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian sống chung, vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì, nhưng không biết lý do gì chị L yêu cầu ly hôn anh Q. Vợ chồng đã ly thân khoản 08 tháng nay. Chị L đã bỏ nhà đi, không biết chị L làm gì, ở đâu; hiện nay anh Q không có liên lạc gì được với chị L. Tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên yêu cầu hàn gắn tình cảm sống chung lại với chị L; anh Q không đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: Anh Q với chị L có 02 con chung tên là Lê Trương Thảo Q1, sinh ngày 14/7/2006 và Lê Trương Minh Q2, sinh ngày 21/8/2013, đang sống chung với anh Q. Hiện nay anh Q đang trực tiếp nuôi con. Nay anh Q yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi; không đồng ý giao cháu Q1 và cháu Q2 cho chị L nuôi; vì hiện nay chị L đã bỏ nhà đi, không rõ ở đâu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh Q không yêu cầu gì khác.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu và đề nghị:** Chấp nhận yêu cầu của chị L.

+ Về hôn nhân: Cho chị L ly hôn anh Q

+ Về con chung: Giao cháu Q1 và cháu Q2 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có, chị L không yêu cầu giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Cho chị L ly hôn anh Q.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Trương Thảo Q1, sinh ngày 14/7/2006 và cháu Lê Trương Minh Q2, sinh ngày 21/8/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa các bên là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cần được xem xét và giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét nguyên đơn chị Trương Thị Thảo L đã được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập dự phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử hợp lệ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên chị chị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Vào năm 2004, chị L với anh Q sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Do mâu thuẫn gia đình và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị L với anh Q đã ly thân, hiện nay không còn sống chung. Xét thấy, tình cảm giữa chị L với anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh Q là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Q không đồng ý ly hôn, yêu cầu hàn gắn tình cảm sống chung lại với chị L, nhưng chị L không đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử cho chị L ly hôn anh Q.

- Về con chung: Chị L với anh Q có 02 con chung tên là Lê Trương Thảo Q1, sinh ngày 14/7/2006 và Lê Trương Minh Q2, sinh ngày 21/8/2013. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Q1 và cháu Q2; anh Q yêu cầu sống chung với chị L để nuôi con; không đồng ý giao cháu Q1 và cháu Q2 cho chị L nuôi vì hiện nay chị L đã bỏ nhà đi, không rõ đi đâu. Do Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L ly hôn anh Q, nên cần giao cháu Q1 và cháu Q2 cho chị L hoặc anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Xét việc nuôi dưỡng cháu Q1 và cháu Q2 là nghĩa vụ của chị L và anh Q. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 19/6/2019 (bút lục số 35) cháu Q1 và cháu Q2 đang sống chung trực tiếp với anh Q tại ấp T, xã B, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang và do anh Q cùng với ông bà ngoại cháu Q1 và cháu Q2 chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L đi làm xa, nhưng không rõ ở đâu; tuy cháu Q1 có nguyện vọng sống chung với chị L, nhưng xét về hoàn cảnh và điều kiện nuôi con hiện nay thì anh Q đảm bảo trực tiếp nuôi con tốt hơn chị L. Do đó giao cháu Q1 và cháu Q2 giao cho anh Q tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Luật sư là có cơ sở một phần, nên chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư.

[6] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở một phần, nên chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẻ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị Thảo L hôn anh Lê Minh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trương Thảo Q1, sinh ngày 14/7/2006 và cháu Lê Trương Minh Q2, sinh ngày 21/8/2013 cho anh Lê Minh Q tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng

Chị L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai số 40318 ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị L đã nộp xong án phí.

+ Anh Q không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Long Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu